

# **Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021



# Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Điều hành Công ty	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11 - 45

# Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100244112 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 7 tháng 2 năm 2007 và theo các giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi sau đó, với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 13 được cấp ngày 28 tháng 7 năm 2021.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là:

- ▶ Dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính;
- ▶ Sản xuất phần mềm, cung cấp dịch vụ và giải pháp về phần mềm và nội dung;
- ▶ Sản xuất, kinh doanh, sửa chữa máy móc, thiết bị điện tử, truyền thông và công nghệ thông tin (“CNTT”);
- ▶ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng dịch vụ đi thuê;
- ▶ Các hoạt động viễn thông; và
- ▶ Các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Công ty có trụ sở chính tại Tòa nhà CMC Tower, số 11 Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam và 1 chi nhánh tại tầng 9, tòa nhà TNA, số 111 – 112 Phố Ngô Gia Tự, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Trung Chính	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Phước Hải	Thành viên	
Ông Nguyễn Minh Đức	Thành viên	
Ông Trương Tuấn Lâm	Thành viên	
Ông Nguyễn Danh Lam	Thành viên	
Ông Lê Việt Hà	Thành viên	
Ông Hà Thế Vinh	Thành viên	
Ông Kim Jung Wuk	Thành viên	
Ông Lee Jay Seok	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 7 năm 2021
Ông Jeong Sam Yong	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 21 tháng 7 năm 2021

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Vũ Thị Phương Thanh	Trưởng ban	
Ông Nguyễn Thành Nam	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 7 năm 2021
Ông Trương Thanh Phúc	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 21 tháng 7 năm 2021

# Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên Ban Điều hành trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Trung Chính	Chủ tịch Điều hành Tập đoàn (*)	
Ông Hồ Thanh Tùng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 7 tháng 7 năm 2021
	Phó Chủ tịch Điều hành Cấp cao Tập đoàn - Phụ trách điều hành hoạt động Công ty	Đến ngày 6 tháng 7 năm 2021
Ông Hoàng Ngọc Hùng	Phó Chủ tịch Điều hành Tập đoàn	Miễn nhiệm ngày 1 tháng 6 năm 2021
Ông Ngô Trọng Hiếu	Phó Chủ tịch Điều hành Tập đoàn	
Ông Nguyễn Phước Hải	Phó Chủ tịch Cấp cao Tập đoàn – Giám đốc Quản trị	
Ông Lê Thanh Sơn	Phó Chủ tịch Cấp cao Tập đoàn – Giám đốc Tài chính	
Ông Lương Tuấn Thành	Phó Chủ tịch Cấp cao Tập đoàn – Giám đốc Công nghệ	Miễn nhiệm ngày 30 tháng 8 năm 2021

(\*) Tập đoàn bao gồm Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC và các công ty con.

## NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Trung Chính, Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Chủ tịch Điều hành Tập đoàn và Ông Hồ Thanh Tùng, Tổng Giám đốc (chính thức trở thành người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 7 tháng 7 năm 2021).

## KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

## BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Điều hành Công ty cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Điều hành Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

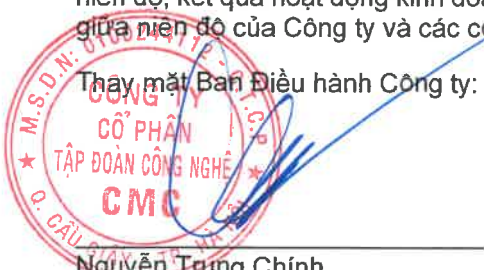
### CÔNG BỐ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Theo ý kiến của Ban Điều hành Công ty, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 9 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021 đề ngày 29 tháng 11 năm 2021.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được đầy đủ các thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

Thay mặt Ban Điều hành Công ty:



Nguyễn Trung Chính  
Chủ tịch Điều hành Tập đoàn

Ngày 29 tháng 11 năm 2021

Số tham chiếu: 61376291/22756623-LR

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC (“Công ty”) được lập ngày 29 tháng 11 năm 2021 và được trình bày từ trang 6 đến trang 45, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 9 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

### ***Trách nhiệm của Ban Điều hành***

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



### ***Kết luận của Kiểm toán viên***

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 9 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Trịnh Xuân Hòa  
Phó Tổng Giám đốc  
Số giấy CNĐKHN kiểm toán: 0754-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 11 năm 2021

11/11/2021  
VD  
CHI  
H

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
ngày 30 tháng 9 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 9 năm 2021	Ngày 31 tháng 3 năm 2021
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>919.045.415.048</b>	<b>883.724.584.516</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>95.511.189.605</b>	<b>33.004.954.360</b>
111	1. Tiền		95.511.189.605	3.004.954.360
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	30.000.000.000
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>605.004.319.746</b>	<b>630.000.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	605.004.319.746	630.000.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>197.630.007.594</b>	<b>193.642.990.987</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	18.062.511.708	17.105.603.434
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	15.461.871.703	17.490.263.927
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	53.705.606.851	61.976.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	124.682.226.453	111.353.332.747
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.3	(14.282.209.121)	(14.282.209.121)
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>20.899.898.103</b>	<b>27.076.639.169</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		120.593.266	722.526.327
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	10	20.759.092.614	26.333.900.619
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		20.212.223	20.212.223
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>1.577.094.289.706</b>	<b>1.508.250.373.954</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>5.000.000.000</b>	<b>48.560.107.000</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	5.000.000.000	48.560.107.000
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>203.349.342.009</b>	<b>208.649.578.036</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	201.384.114.054	206.369.266.185
222	Nguyên giá		379.055.887.080	379.250.188.716
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(177.671.773.026)	(172.880.922.531)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	1.965.227.955	2.280.311.851
228	Nguyên giá		22.443.303.204	22.443.303.204
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(20.478.075.249)	(20.162.991.353)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>542.205.687.761</b>	<b>454.181.185.092</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	542.205.687.761	454.181.185.092
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>15</b>	<b>817.695.310.575</b>	<b>787.734.669.974</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		815.440.014.767	745.440.014.767
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		7.258.356.000	7.258.356.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(40.003.060.192)	(30.598.827.801)
255	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		35.000.000.000	65.635.127.008
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>8.843.949.361</b>	<b>9.124.833.852</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	16	8.843.949.361	9.124.833.852
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>2.496.139.704.754</b>	<b>2.391.974.958.470</b>

802-Q  
NG TY  
& YOI  
T NẠN  
NHÂN  
NỘI  
M - T. S



Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

B01a-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
ngày 30 tháng 9 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 9 năm 2021	Ngày 31 tháng 3 năm 2021
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>763.032.704.137</b>	<b>693.281.799.590</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>387.834.692.274</b>	<b>360.588.558.760</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17	90.276.989.027	94.253.826.604
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		62.500.000	-
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	2.228.314.000	2.745.194.993
314	4. Phải trả người lao động		2.185.809.257	5.887.701.835
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	6.193.297.361	11.849.350.192
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	20	1.720.792.191	6.857.774.409
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	21	57.060.447.208	10.944.204.199
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	22	219.506.170.341	219.262.127.275
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	23	8.600.372.889	8.788.379.253
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>375.198.011.863</b>	<b>332.693.240.830</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	21	3.860.923.547	3.840.443.123
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	22	358.927.864.608	308.093.960.229
341	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	33.2	1.444.260.775	1.473.258.945
343	4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	24	10.964.962.933	19.285.578.533
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>1.733.107.000.617</b>	<b>1.698.693.158.880</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>25</b>	<b>1.733.107.000.617</b>	<b>1.698.693.158.880</b>
411	1. Vốn cổ phần		999.998.660.000	999.998.660.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		999.998.660.000	999.998.660.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		599.555.780.400	599.555.780.400
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		133.552.560.217	99.138.718.480
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		99.138.718.480	7.834.444.288
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		34.413.841.737	91.304.274.192
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>2.496.139.704.754</b>	<b>2.391.974.958.470</b>

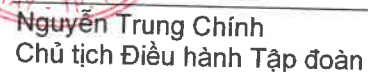


Nguyễn Hồng Phương  
Kế toán trưởng



Lê Thanh Sơn  
Giám đốc Tài chính



  
Nguyễn Trung Chính  
Chủ tịch Điều hành Tập đoàn

Ngày 29 tháng 11 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021


Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020
01	1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	27.1	68.978.365.591	61.599.079.414
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	27.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ [10 = 01 - 02]	27.1	68.978.365.591	61.599.079.414
11	4. Giá vốn dịch vụ cung cấp	28	29.230.604.923	28.918.393.515
20	5. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ [20 = 10 - 11]		39.747.760.668	32.680.685.899
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	27.2	52.428.458.215	40.922.719.289
22	7. Chi phí tài chính	29	20.545.698.357	8.282.234.441
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		11.048.132.630	8.282.234.441
25	8. Chi phí bán hàng		34.481.980	51.553.524
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	30	31.184.335.349	25.642.055.630
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26]		40.411.703.197	39.627.561.593
31	11. Thu nhập khác		585.218.012	17.226.497
32	12. Chi phí khác	31	4.601.708.147	-
40	13. (Lỗ)/lợi nhuận khác [40 = 31 - 32]		(4.016.490.135)	17.226.497
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế [50 = 30 + 40]		36.395.213.062	39.644.788.090
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	33.1	2.010.369.495	3.953.167.882
52	16. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	33.2	(28.998.170)	(28.998.170)
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN [60 = 50 - 51 - 52]		34.413.841.737	35.720.618.378

  
Nguyễn Hồng Phương  
Kế toán trưởng

  
Lê Thanh Sơn  
Giám đốc Tài chính



  
Nguyễn Trung Chính  
Chủ tịch Điều hành Tập đoàn

Ngày 29 tháng 11 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>36.395.213.062</b>	<b>39.644.788.090</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình	11,12	5.209.890.994	10.293.188.225
03	Các khoản trích lập dự phòng	29	9.404.232.391	-
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(52.428.458.215)	(40.922.719.289)
06	Chi phí lãi vay	29	11.048.132.630	8.282.234.441
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>9.629.010.862</b>	<b>17.297.491.467</b>
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu		(5.820.600.474)	34.584.342.432
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)		33.226.378.185	(26.217.751.216)
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước		882.817.552	(812.698.579)
14	Tiền lãi vay đã trả		(7.422.354.411)	(8.290.432.055)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2.571.601.784)	(3.258.305.252)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	18	(8.666.315.600)	(8.390.992.317)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>19.257.334.330</b>	<b>4.911.654.480</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(96.783.476.889)	(129.087.346.471)
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(388.804.319.746)	(588.486.127.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		463.635.127.008	741.600.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(22.505.319.257)	-
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		36.702.276.344	93.225.244.715
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(7.755.712.540)</b>	<b>117.251.771.244</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay		167.059.063.657	98.983.147.273
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(115.981.116.212)	(162.646.646.547)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(73.333.990)	(89.343.175)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động tài chính		51.004.613.455	(63.752.842.449)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		62.506.235.245	58.410.583.275
60	Tiền đầu kỳ		33.004.954.360	72.190.196.947
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền cuối kỳ	4	95.511.189.605	130.600.780.222



Nguyễn Hồng Phương  
Kế toán trưởng



Lê Thanh Sơn  
Giám đốc Tài chính



Nguyễn Trung Chính  
Chủ tịch Điều hành Tập đoàn

Ngày 29 tháng 11 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100244112 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 7 tháng 2 năm 2007 và theo các giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi sau đó, với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 13 được cấp ngày 28 tháng 7 năm 2021.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là:

- ▶ Dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính;
- ▶ Sản xuất phần mềm, cung cấp dịch vụ và giải pháp về phần mềm và nội dung;
- ▶ Sản xuất, kinh doanh, sửa chữa máy móc, thiết bị điện tử, truyền thông và công nghệ thông tin (“CNTT”);
- ▶ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng dịch vụ đi thuê;
- ▶ Các hoạt động viễn thông; và
- ▶ Các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại Tòa nhà CMC Tower, số 11 Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam và 1 chi nhánh tại tầng 9, tòa nhà TNA, số 111 – 112 Phố Ngô Gia Tự, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2021 là 100 (ngày 31 tháng 3 năm 2021: 96).

### Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2021, Công ty có 14 công ty con. Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ lợi ích của Công ty trong các công ty con này như sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC	Hà Nội	Cung cấp các giải pháp về CNTT	100%	100%
Công ty TNHH Công nghệ và Giải pháp CMC Sài Gòn (*)	Hồ Chí Minh	Cung cấp các giải pháp về CNTT	100%	100%
Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC	Hà Nội	Cung cấp dịch vụ viễn thông	54,63%	54,63%
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại CMC	Hà Nội	Phân phối các sản phẩm CNTT	100%	100%
Công ty TNHH CMC Global	Hà Nội	Dịch vụ phần mềm	100%	100%
Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ CMC	Hà Nội	Sản xuất, lắp ráp, phân phối máy tính	100%	100%
Công ty Cổ phần Liên doanh Cyber – CMC	Hà Nội	Dịch vụ và phân phối các sản phẩm phần mềm	51%	51%
Công ty TNHH CMC Blue France (**)	Cộng hòa Pháp	Cung cấp dịch vụ thuê ngoài BPO, ITO	100%	100%
Viện nghiên cứu Ứng dụng Công nghệ CMC	Hà Nội	Nghiên cứu, triển khai ứng dụng công nghệ cao, công nghệ mới thuộc các lĩnh vực ICT	100%	100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP** (tiếp theo)

**Cơ cấu tổ chức** (tiếp theo)

Tên đơn vị	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm CMC (*)	Hà Nội	Dịch vụ phần mềm	100%	100%
Công ty TNHH An ninh An toàn Thông tin CMC (*)	Hà Nội	Cung cấp giải pháp an toàn an ninh thông tin	100%	100%
Công ty Cổ phần CMC Japan (*)	Nhật Bản	Dịch vụ phần mềm	100%	100%
Công ty TNHH CMC Châu Á Thái Bình Dương (*)	Singapore	Dịch vụ phần mềm	100%	100%
Công ty TNHH CMC Đà Nẵng	Đà Nẵng	Cung cấp linh kiện điện tử	100%	100%

(\*) Công ty gián tiếp nắm giữ lợi ích và quyền biểu quyết tại các đơn vị này thông qua các công ty con lần lượt là Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC và Công ty TNHH CMC Global.

(\*\*) Công ty TNHH CMC Blue France đã tạm dừng hoạt động.

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC là công ty mẹ và có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 15. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC – Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại Thông tư này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021 vào ngày 29 tháng 11 năm 2021.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cần đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

**2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) và được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng (tiếp theo)**

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

**2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

**2.4 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 4 và kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm sau.

**2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3.2 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

**3.3 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.4 Thuê tài sản**

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

*Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

*Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê*

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo, thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh và phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo thời hạn của hợp đồng thuê. Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

**3.5 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

**3.6 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	39 - 48 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 15 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Bản quyền, bằng sáng chế	5 năm
Phần mềm máy tính	3 - 8 năm



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.7 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

**3.8 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

*Tiền thuê đất trả trước*

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký với Ban quản lý khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 11 tháng 8 năm 2011 trong thời hạn 50 năm. Theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khoản tiền thuê đất trả trước này được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

**3.9 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư vào công ty con*

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Đầu tư vào công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.9 Các khoản đầu tư (tiếp theo)**

*Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

**3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

**3.12 Quỹ phát triển khoa học và công nghệ**

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Tập đoàn theo hướng dẫn tại Nghị định 95/2014/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 17 tháng 10 năm 2014 và Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BKH-CN-BTC do Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2016. Số tiền trích quỹ hàng năm được Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt dựa trên kế hoạch chi tiêu cho hoạt động phát triển khoa học và công nghệ hàng năm và được trích lập từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.13 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

*Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

**3.14 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu.

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ được thực hiện và hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

*Tiền cho thuê*

Doanh thu từ hoạt động cho thuê văn phòng theo hợp đồng thuê được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

**3.15 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.15 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hiện hành (tiếp theo)*

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản góp vốn liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.15 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**3.16 Thông tin theo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được xác định dựa trên loại hình sản phẩm và dịch vụ cung cấp.

**3.17 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2021</i>	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2021</i>
Tiền mặt	421.221.701	1.140.161.128
Tiền gửi ngân hàng	95.089.967.904	1.864.793.232
Các khoản tương đương tiền	-	30.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>95.511.189.605</b>	<b>33.004.954.360</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày 30 tháng 9 năm 2021 bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng bằng đồng Việt Nam và trái phiếu đầu tư với kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng, hưởng lãi suất từ 7%/năm đến 10%/năm (ngày 31 tháng 3 năm 2021: từ 7,4%/năm đến 8,5%/năm).

Công ty đã sử dụng một số hợp đồng tiền gửi làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay thấu chi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – BIDV (Thuyết minh số 22).

**6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

**6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2021	Ngày 31 tháng 3 năm 2021
Phải thu từ khách hàng	7.935.495.399	8.555.453.734
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	5.170.000.000	5.170.000.000
- Công ty TNHH Manulife (Việt Nam)	126.443.504	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	2.639.051.895	3.385.453.734
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 34)	10.127.016.309	8.550.149.700
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>18.062.511.708</b>	<b>17.105.603.434</b>
Dự phòng nợ phải thu khó đòi (Thuyết minh số 6.3)	(938.064.932)	(938.064.932)

**6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2021	Ngày 31 tháng 3 năm 2021
Trả trước cho người bán	7.740.930.210	11.881.008.886
- Công ty Cổ phần Liên doanh Thái Bình Dương	1.998.531.405	1.998.531.405
- Công ty Cổ phần Galaxy Sài Gòn	1.762.582.620	-
- Công ty Cổ phần Cơ Điện Đoàn Nhất	-	5.604.022.392
- Công ty TNHH Schindler Việt Nam	-	1.772.670.000
- Trả trước cho người bán khác	3.979.816.185	2.505.785.089
Trả trước cho các bên liên quan (Thuyết minh số 34)	7.720.941.493	5.609.255.041
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>15.461.871.703</b>	<b>17.490.263.927</b>
Dự phòng nợ phải thu khó đòi (Thuyết minh số 6.3)	(164.759.188)	(164.759.188)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN (tiếp theo)**

**6.3 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020
Số đầu kỳ	14.282.209.121	11.567.198.398
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>14.282.209.121</b>	<b>11.567.198.398</b>
<i>Trong đó:</i>		
Dự phòng phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6.1)	938.064.932	938.064.932
Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 6.2)	164.759.188	164.759.188
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 8)	13.179.385.001	10.464.374.278

**7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2021	Ngày 31 tháng 3 năm 2021
Cho vay bên liên quan (Thuyết minh số 34)	53.705.606.851	61.976.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>53.705.606.851</b>	<b>61.976.000.000</b>

Chi tiết các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn được trình bày như sau:

Bên vay	Ngày 30 tháng 9 năm 2021 (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Công ty TNHH Công nghệ và Giải pháp CMC Sài Gòn	28.705.606.851	24/11/2021	6%	Tín chấp
Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ CMC	25.000.000.000	31/12/2021	6%	Tín chấp
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>53.705.606.851</b>			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**8. PHẢI THU KHÁC**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2021</i>		<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2021</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>
<b>Ngắn hạn</b>				
Phải thu từ cổ tức, lợi nhuận được chia	67.418.927.696	-	62.278.745.435	-
Lãi dự thu	22.737.867.266	-	16.232.194.823	-
Các khoản chi hộ	12.244.688.135	(8.965.065.001)	12.186.412.249	(8.965.065.001)
Tạm ứng cho nhân viên	17.635.734.600	-	14.707.130.431	-
Phải thu về chuyển nhượng cổ phần	3.500.000.000	(3.500.000.000)	3.500.000.000	(3.500.000.000)
Phải thu ngắn hạn khác	1.145.008.756	(714.320.000)	2.448.849.809	(714.320.000)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>124.682.226.453</b>	<b>(13.179.385.001)</b>	<b>111.353.332.747</b>	<b>(13.179.385.001)</b>
<b>Dài hạn</b>				
Ký quỹ, ký cược	5.000.000.000	-	5.020.000.000	-
Phải thu từ cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-	43.540.107.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>48.560.107.000</b>	<b>-</b>
<i>Trong đó</i>				
<i>Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 34)</i>	<i>87.649.986.608</i>	<i>(8.965.065.001)</i>	<i>77.385.597.097</i>	<i>(8.965.065.001)</i>
<i>Phải thu dài hạn khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 34)</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>43.540.107.000</i>	<i>-</i>
<i>Phải thu ngắn hạn khác từ bên thứ ba</i>	<i>37.032.239.845</i>	<i>(4.214.320.000)</i>	<i>33.967.735.650</i>	<i>(4.214.320.000)</i>
<i>Phải thu dài hạn khác từ bên thứ ba</i>	<i>5.000.000.000</i>	<i>-</i>	<i>5.020.000.000</i>	<i>-</i>

**9. NỢ XẤU**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2021</i>		<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2021</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>
Công ty TNHH CMC Blue France	6.250.054.278	-	6.250.054.278	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Geleximco	3.500.000.000	-	3.500.000.000	-
Chi nhánh Công ty TNHH Công nghệ và Giải pháp CMC Sài Gòn	2.715.010.723	-	2.715.010.723	-
Các khoản phải thu quá hạn thanh toán khác	1.817.144.120	-	1.817.144.120	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>14.282.209.121</b>	<b>-</b>	<b>14.282.209.121</b>	<b>-</b>

**10. THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG ĐƯỢC KHẤU TRỪ**

Thuế giá trị gia tăng ("GTGT") được khấu trừ tại ngày 30 tháng 9 năm 2021 chủ yếu bao gồm các khoản thuế GTGT đầu vào phát sinh từ việc đầu tư xây dựng Dự án "Không gian sáng tạo CMC" tại khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh với tổng mức đầu tư là 883 tỷ đồng.



# Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

B09a-DN

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 9 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Đơn vị tính: VND
<b>Nguyên giá:</b>					
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2021	205.829.862.300	163.282.537.422	6.277.280.000	3.860.508.994	379.250.188.716
- Mua trong kỳ	-	-	-	34.536.364	34.536.364
- Giảm khác	-	-	-	(228.838.000)	(228.838.000)
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2021	205.829.862.300	163.282.537.422	6.277.280.000	3.666.207.358	379.055.887.080
<b>Trong đó:</b>					
Đã khấu hao hết	-	85.070.951.216	-	2.228.812.696	87.299.763.912
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>					
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2021	44.466.820.244	122.952.835.341	1.901.322.573	3.559.944.373	172.880.922.531
- Khấu hao trong kỳ	2.270.635.139	2.209.768.830	298.563.149	115.839.980	4.894.807.098
- Giảm khác	-	-	-	(103.956.603)	(103.956.603)
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2021	46.737.455.383	125.162.604.171	2.199.885.722	3.571.827.750	177.671.773.026
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2021	161.363.042.056	40.329.702.081	4.375.957.427	300.564.621	206.369.266.185
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2021	159.092.406.917	38.119.933.251	4.077.394.278	94.379.608	201.384.114.054
<b>Trong đó:</b>					
Tài sản sử dụng để cầm cố/thế chấp	143.953.442.539	36.949.496.020	-	-	180.902.938.559

Công ty đã sử dụng một phần diện tích của tài sản cố định là Tòa nhà CMC, số 11 phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội làm văn phòng cho các công ty con, công ty liên kết và các đơn vị thứ ba khác thuê sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Bản quyền, bằng sáng chế</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>				
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2021	195.615.549	22.046.339.474	201.348.181	22.443.303.204
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2021	195.615.549	22.046.339.474	201.348.181	22.443.303.204
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đã hao mòn hết</i>		- 18.297.043.517	99.000.000	18.396.043.517
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>				
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2021	152.445.260	19.837.202.535	173.343.558	20.162.991.353
- Hao mòn trong kỳ	27.076.139	276.961.394	11.046.363	315.083.896
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2021	179.521.399	20.114.163.929	184.389.921	20.478.075.249
<b>Giá trị còn lại:</b>				
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2021	43.170.289	2.209.136.939	28.004.623	2.280.311.851
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2021	16.094.150	1.932.175.545	16.958.260	1.965.227.955

**13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2021</i>	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2021</i>
Dự án "Không gian sáng tạo CMC" (*)	531.309.858.443	447.914.275.082
Dự án "Security Operation Center"	6.937.069.318	4.036.150.010
Phần mềm SAP Finance	2.768.760.000	1.530.760.000
Phần mềm chăm công Payroll	1.190.000.000	700.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>542.205.687.761</b>	<b>454.181.185.092</b>

(\*) Đây là dự án xây dựng tòa nhà văn phòng của Công ty tại khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh. Công ty đã sử dụng toàn bộ các tài sản sẽ được hình thành từ Dự án này làm tài sản đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại ngân hàng thương mại như được trình bày tại Thuyết minh số 22.

**14. CHI PHÍ ĐI VAY ĐƯỢC VỐN HÓA**

Trong kỳ, Công ty đã vốn hóa chi phí đi vay thuần với giá trị là 9,3 tỷ VND (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2021: 16,6 tỷ VND) cho Dự án "Không gian sáng tạo CMC".

# Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Ngày 30 tháng 9 năm 2021			Ngày 31 tháng 3 năm 2021			Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>815.440.014.767</b>	<b>(40.003.060.192)</b>	<b>775.436.954.575</b>	<b>745.440.014.767</b>	<b>(30.598.827.801)</b>	<b>714.841.186.966</b>	
Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC	270.000.000.000	-	270.000.000.000	200.000.000.000	-	200.000.000.000	
Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC	184.544.390.000	-	184.544.390.000	184.544.390.000	-	184.544.390.000	
Công ty TNHH CMC Global	130.000.000.000	-	130.000.000.000	130.000.000.000	-	130.000.000.000	
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại CMC	100.000.000.000	(31.638.524.192)	66.861.475.808	100.000.000.000	(25.234.291.801)	74.765.708.199	
Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ CMC	10.300.105.507	-	10.300.105.507	10.300.105.507	-	10.300.105.507	
Công ty Cổ phần Liên doanh Ciber - CMC	10.230.983.260	-	10.230.983.260	10.230.983.260	-	10.230.983.260	
Công ty TNHH CMC Blue France	5.364.536.000	(5.364.536.000)	-	5.364.536.000	(5.364.536.000)	-	
Viện nghiên cứu Ứng dụng Công nghệ CMC	5.000.000.000	-	5.000.000.000	5.000.000.000	-	5.000.000.000	
Công ty TNHH CMC Đà Nẵng	100.000.000.000	(3.000.000.000)	98.500.000.000	100.000.000.000	-	100.000.000.000	
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>	<b>7.258.356.000</b>	<b>-</b>	<b>7.258.356.000</b>	<b>7.258.356.000</b>	<b>-</b>	<b>7.258.356.000</b>	
Công ty Cổ phần Netnam	7.258.356.000	-	7.258.356.000	7.258.356.000	-	7.258.356.000	
<b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>	<b>35.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>35.000.000.000</b>	<b>65.635.127.008</b>	<b>-</b>	<b>65.635.127.008</b>	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>857.698.370.767</b>	<b>(40.003.060.192)</b>	<b>817.695.310.575</b>	<b>818.333.497.775</b>	<b>(30.598.827.801)</b>	<b>787.734.669.974</b>	

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết do cổ phiếu của các đơn vị này chưa được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN** (tiếp theo)

**15.1 Đầu tư vào các công ty con**

Tên đơn vị	Ngày 30 tháng 9 năm 2021		Ngày 31 tháng 3 năm 2021	
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)
Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC	54,63%	54,63%	54,63%	54,63%
Công ty TNHH CMC Global	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại CMC	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ CMC	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Liên doanh Ciber – CMC	51%	51%	51%	51%
Công ty TNHH CMC Blue France	100%	100%	100%	100%
Viện nghiên cứu Ứng dụng Công nghệ CMC	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH CMC Đà Nẵng	100%	100%	100%	100%

Thông tin chi tiết về các công ty con này được trình bày tại Thuyết minh số 1.

**15.2 Đầu tư vào công ty liên kết**

Tên đơn vị	Ngày 30 tháng 9 năm 2021		Ngày 31 tháng 3 năm 2021	
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)
Công ty Cổ phần Netnam	41,1%	41,1%	41,1%	41,1%

Công ty Cổ phần Netnam là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100896284 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 2 tháng 6 năm 2010. Công ty này có trụ sở chính tại số 18, đường Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội. Hoạt động chính của công ty này là cung cấp dịch vụ mạng internet. Tại ngày 30 tháng 9 năm 2021 Công ty nắm 41,1% phần vốn chủ sở hữu trong công ty liên kết này.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN** (tiếp theo)

**15.3 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

*Đơn vị tính: VND*

	<u>Ngày 30 tháng 9 năm 2021</u>		<u>Ngày 31 tháng 3 năm 2021</u>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>
Trái phiếu				
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (i)	35.000.000.000	35.000.000.000	35.000.000.000	35.000.000.000
- Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP Becamex IDC	-	-	30.635.127.008	30.635.127.008
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>35.000.000.000</b>	<b>35.000.000.000</b>	<b>65.635.127.008</b>	<b>65.635.127.008</b>

(i) Đây là các khoản đầu tư vào trái phiếu (không có tài sản đảm bảo) của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – BIDV có thời hạn 7 năm với lãi suất thả nổi bằng lãi suất tham chiếu + 0,8%/năm và đáo hạn vào ngày 25 tháng 11 năm 2026. Tiền lãi trái phiếu được trả hàng năm và gốc được thanh toán tại thời điểm đáo hạn.

Công ty cũng đã cầm cố khoản đầu tư vào trái phiếu này để đảm bảo cho khoản vay thấu chi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - BIDV (*Thuyết minh số 22*).

**16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

*Đơn vị tính: VND*

	<u>Ngày 30 tháng 9 năm 2021</u>	<u>Ngày 31 tháng 3 năm 2021</u>
Chi phí thuê đất trả trước	7.397.748.023	7.406.481.348
Chi phí cải tạo văn phòng	682.738.483	932.305.648
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	170.034.769	197.130.666
Chi phí môi giới cho thuê văn phòng	174.102.131	126.907.580
Chi phí trả trước dài hạn khác	419.325.955	462.008.610
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>8.843.949.361</b>	<b>9.124.833.852</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**17. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 9 năm 2021		Ngày 31 tháng 3 năm 2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho người bán	67.036.524.041	67.036.524.041	60.529.500.466	60.529.500.466
- Công ty Cổ phần Xây dựng Central	49.895.537.783	49.895.537.783	57.790.427.982	57.790.427.982
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Quân Đạt	6.893.538.056	6.893.538.056	2.376.890.472	2.376.890.472
- Công ty Cổ phần Cơ điện Đoàn Nhất	5.550.779.312	5.550.779.312	-	-
- Công ty TNHH Schindler Việt Nam	4.490.764.000	4.490.764.000	-	-
- Các nhà cung cấp khác	205.904.890	205.904.890	362.182.012	362.182.012
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 34)	23.240.464.986	23.240.464.986	33.724.326.138	33.724.326.138
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>90.276.989.027</b>	<b>90.276.989.027</b>	<b>94.253.826.604</b>	<b>94.253.826.604</b>

**18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Đơn vị tính: VND

	Ngày 31 tháng 3 năm 2021	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Ngày 30 tháng 9 năm 2021
Thuế giá trị gia tăng	-	6.914.142.410	(6.914.142.410)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 33.1)	2.551.389.561	2.010.369.495	(2.571.601.784)	1.990.157.272
Thuế thu nhập cá nhân	173.593.209	1.443.161.414	(1.398.810.118)	217.944.505
Thuế khác	-	25.120.890	(25.120.890)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.724.982.770</b>	<b>10.392.794.209</b>	<b>(10.909.675.202)</b>	<b>2.208.101.777</b>
Trong đó:				
Thuế và các khoản phải nộp	2.745.194.993			2.228.314.000
Thuế và các khoản phải thu	(20.212.223)			(20.212.223)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2021	Ngày 31 tháng 3 năm 2021
Chi phí dịch vụ	3.318.370.629	5.093.030.058
Lãi vay phải trả	1.521.041.096	-
Chi phí thuê đất	753.687.450	251.229.150
Thủ lao HĐQT và BKS	243.000.000	243.000.000
Chi phí xây dựng, sửa chữa	54.298.186	5.822.990.000
Chi phí khác	302.900.000	439.100.984
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>6.193.297.361</b>	<b>11.849.350.192</b>
<i>Trong đó:</i>		
Chi phí phải trả khác cho các bên liên quan (Thuyết minh số 34)	1.521.041.096	-
Chi phí phải trả khác cho bên thứ ba	4.672.256.265	11.849.350.192

**20. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN**

Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn bao gồm các khoản tiền thuê văn phòng nhận trước từ các khách hàng là bên thứ ba.

**21. PHẢI TRẢ KHÁC**

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2021	Ngày 31 tháng 3 năm 2021
<b>Ngắn hạn</b>		
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	6.514.627.013	6.539.621.926
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	2.748.746.679	1.976.633.675
Phải trả tiền lãi vay	188.107.948	549.023.354
Kinh phí công đoàn	404.751.014	381.871.514
Tạm hoàn trả một phần vốn góp về công ty mẹ (*)	45.081.450.398	-
Các khoản phải trả khác	2.122.764.156	1.497.053.730
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>57.060.447.208</b>	<b>10.944.204.199</b>
<b>Dài hạn</b>		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	3.860.923.547	3.840.443.123
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.860.923.547</b>	<b>3.840.443.123</b>
<i>Trong đó</i>		
Phải trả khác cho các bên liên quan (Thuyết minh số 34)	47.753.016.348	549.023.354
Phải trả khác cho bên thứ ba	13.168.354.407	14.235.623.968

(\*) Căn cứ theo Nghị quyết số 44/2019/NQ-HĐQT ngày 23 tháng 9 năm 2019 của Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt việc giải thể Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại CMC ("Công ty P&T"), Công ty P&T đang trong quá trình hoàn thiện các thủ tục pháp lý cần thiết cho việc giải thể này và đã tạm thời hoàn trả một phần vốn là nguồn tiền chưa có kế hoạch sử dụng về Công ty trong kỳ.

# Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 22. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	Ngày 31 tháng 3 năm 2021		Số phát sinh trong kỳ		Ngày 30 tháng 9 năm 2021		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
<b>Ngắn hạn</b>							
Vay thấu chi ngân hàng (i)	19.421.708.308	19.421.708.308	92.599.287.780	(112.020.996.088)	-	-	
Vay đối tượng khác (ii)	99.840.418.967	99.840.418.967	8.792.538.163	(726.786.789)	107.906.170.341	107.906.170.341	
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	-	-	-	-	
Vay bên liên quan (Thuyết minh số 34) (v)	100.000.000.000	100.000.000.000	14.600.000.000	(3.000.000.000)	111.600.000.000	111.600.000.000	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>219.262.127.275</b>	<b>219.262.127.275</b>	<b>115.991.825.943</b>	<b>(115.747.782.877)</b>	<b>219.506.170.341</b>	<b>219.506.170.341</b>	
<b>Dài hạn</b>							
Vay ngân hàng (iii)	9.773.960.221	9.773.960.221	50.553.904.377	-	60.327.864.598	60.327.864.598	
Trái phiếu (iv)	298.320.000.008	298.320.000.008	513.333.337	(233.333.335)	298.600.000.010	298.600.000.010	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>308.093.960.229</b>	<b>308.093.960.229</b>	<b>51.067.237.714</b>	<b>(233.333.335)</b>	<b>358.927.864.608</b>	<b>358.927.864.608</b>	

- (i) Đây là các khoản vay thấu chi từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – BIDV với lãi suất là 6,9%/năm. Công ty đã sử dụng các khoản tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu và một phần tài sản có định hữu hình làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay thấu chi này.
- (ii) Đây là các khoản vay từ một số cá nhân với thời hạn vay là 1 năm kể từ ngày giải ngân và khoản vay cuối cùng sẽ đáo hạn vào ngày 20 tháng 1 năm 2022. Lãi suất áp dụng cho các khoản vay này từ 8%/năm, lãi vay trả hàng quý theo hình thức nhập gốc sau khi đã trừ thuế thu nhập cá nhân.
- (iii) Đây là khoản vay dài hạn từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Vietcombank với lãi suất năm đầu tiên là 8%/năm và lãi suất từ năm thứ hai bằng lãi suất huy động tiết kiệm đồng Việt Nam dành cho cá nhân kỳ hạn 12 tháng, trả lãi sau của ngân hàng cộng với biên độ lãi suất là 2,6%/năm. Công ty đã sử dụng toàn bộ tài sản trên đất gắn liền với Tòa nhà CMC Tower và các quyền sở hữu, lợi ích phát sinh đối với phần vốn góp của Công ty tại Công ty TNHH CMC Global, Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm CMC, và Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC để đảm bảo cho khoản trái phiếu này. Gốc trái phiếu sẽ được chi trả toàn bộ tại thời điểm trái phiếu đáo hạn, lãi trái phiếu được trả định kỳ 6 tháng/lần.
- (iv) Đây là khoản trái phiếu được Công ty phát hành vào ngày 29 tháng 3 năm 2019 cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – BIDV với kỳ hạn là 5 năm và chịu lãi suất cố định là 8,8%/năm áp dụng cho 2 kỳ tính lãi đầu tiên. Đối với các kỳ tính lãi tiếp theo, lãi suất được tính bằng trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm trả sau cho cá nhân thông thường bằng đồng Việt Nam, với kỳ hạn 12 tháng của 4 ngân hàng thương mại Việt Nam. Công ty đã sử dụng toàn bộ tài sản trên đất gắn liền với Tòa nhà CMC Tower và các quyền sở hữu, lợi ích phát sinh đối với phần vốn góp của Công ty tại Công ty TNHH CMC Global, Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm CMC, và Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC để đảm bảo cho khoản trái phiếu này. Gốc trái phiếu sẽ được chi trả toàn bộ tại thời điểm trái phiếu đáo hạn, lãi trái phiếu được trả định kỳ 6 tháng/lần.
- (v) Bao gồm hai khoản vay tín chấp từ CMC Đà Nẵng, có kỳ hạn trả gốc và lãi vào ngày 26 tháng 3 năm 2022, chịu lãi suất là 3%/năm và từ CMS có kỳ hạn trả gốc và lãi vào 19 tháng 4 năm 2022, chịu lãi suất 5%/ năm.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**23. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020</i>
Số đầu kỳ	8.788.379.253	6.337.318.779
Tặng khác	157.693.636	-
Sử dụng quỹ trong kỳ	(345.700.000)	(3.904.000.000)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>8.600.372.889</u></b>	<b><u>2.433.318.779</u></b>

**24. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020</i>
Số đầu kỳ	19.285.578.533	19.313.995.803
Cấp quỹ cho Viện nghiên cứu Ứng dụng Công nghệ CMC	(1.136.860.572)	(1.521.619.053)
Sử dụng quỹ trong kỳ	(7.183.755.028)	(2.965.373.263)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>10.964.962.933</u></b>	<b><u>14.827.003.487</u></b>

31/09/2021

# Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 25. VỐN CHỦ SỞ HỮU

### 25.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
<b>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020</b>				<b>Tổng cộng</b>
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2020	999.998.660.000	599.555.780.400	107.834.310.288	1.707.388.750.688
- Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	35.720.618.378	35.720.618.378
- Chia cổ tức	-	-	(99.999.866.000)	(99.999.866.000)
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2020	999.998.660.000	599.555.780.400	43.555.062.666	1.643.109.503.066
<b>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021</b>				
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2021	999.998.660.000	599.555.780.400	99.138.718.480	1.698.693.158.880
- Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	34.413.841.737	34.413.841.737
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2021	999.998.660.000	599.555.780.400	133.552.560.217	1.733.107.000.617

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**25. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**25.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Ngày 30 tháng 9 năm 2021			Ngày 31 tháng 3 năm 2021		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Samsung SDS Asia Pacific Pte.Ltd	29.999.959	29.999.959	-	29.999.959	29.999.959	-
Công ty TNHH Đầu tư MVI	13.550.566	13.550.566	-	13.550.566	13.550.566	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp Hà Nội	10.012.037	10.012.037	-	10.012.037	10.012.037	-
Quý PYN Elite	5.082.836	5.082.836	-	5.082.836	5.082.836	-
Công ty TNHH Đầu tư Mỹ Linh	4.132.900	4.132.900	-	4.132.900	4.132.900	-
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	3.777.811	3.777.811	-	3.777.811	3.777.811	-
Tập đoàn Bảo Việt	3.777.811	3.777.811	-	3.777.811	3.777.811	-
Các cổ đông khác	29.665.946	29.665.946	-	29.665.946	29.665.946	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>99.999.866</b>	<b>99.999.866</b>	<b>-</b>	<b>99.999.866</b>	<b>99.999.866</b>	<b>-</b>

**25.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận**

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020
<b>Vốn đã góp</b>		
Số đầu kỳ	999.998.660.000	999.998.660.000
Số cuối kỳ	<b>999.998.660.000</b>	<b>999.998.660.000</b>
Cổ tức, lợi nhuận đã công bố (*)	-	99.999.866.000
Cổ tức, lợi nhuận đã trả	73.333.990	89.343.175

(\*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21 tháng 7 năm 2021, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ là 9%. Theo đó, Hội đồng Quản trị Công ty đã ban hành các Nghị quyết phê duyệt thời hạn chi trả cổ tức bằng cổ phiếu, dự kiến trong tháng 11 và 12 năm 2021. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Công ty chưa hoàn thành việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu cho các cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**25. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**25.4 Cổ phiếu**

	Ngày 30 tháng 9 năm 2021	Ngày 31 tháng 3 năm 2021
<b>Cổ phiếu đã phát hành ra công chúng</b>	<b>99.999.866</b>	<b>99.999.866</b>
Cổ phiếu phổ thông	99.999.866	99.999.866
<b>Cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Cổ phiếu phổ thông	-	-
<b>Cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>99.999.866</b>	<b>99.999.866</b>
Cổ phiếu phổ thông	99.999.866	99.999.866

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND/cổ phiếu.

**26. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	Ngày 30 tháng 9 năm 2021	Ngày 31 tháng 3 năm 2021
Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	6.129	6.150

**27. DOANH THU**

**27.1 Doanh thu cung cấp dịch vụ**

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021	Đơn vị tính: VND Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>68.978.365.591</b>	<b>61.599.079.414</b>
Trong đó:		
Doanh thu dịch vụ cho thuê văn phòng	60.840.776.307	55.707.159.414
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	8.137.589.284	5.891.920.000
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>68.978.365.591</b>	<b>61.599.079.414</b>
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên thứ ba	29.348.706.664	29.301.546.636
Doanh thu đối với các bên liên quan (Thuyết minh số 34)	39.629.658.927	32.297.532.778

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**27. DOANH THU** (tiếp theo)

**27.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020
Cổ tức và lợi nhuận được chia	22.398.821.802	11.770.245.500
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	30.029.636.413	29.152.473.789
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>52.428.458.215</b>	<b>40.922.719.289</b>

**28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020
Giá vốn của dịch vụ cho thuê văn phòng	21.703.427.178	23.026.473.515
Giá vốn cung cấp dịch vụ khác	7.527.177.745	5.891.920.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>29.230.604.923</b>	<b>28.918.393.515</b>

**29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020
Chi phí lãi vay	11.048.132.630	8.282.234.441
Dự phòng đầu tư tài chính	9.404.232.391	-
Chi phí tài chính khác	93.333.336	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>20.545.698.357</b>	<b>8.282.234.441</b>

**30. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020
Chi phí nhân viên	13.779.382.273	14.046.543.755
Chi phí vật liệu	433.908.448	431.624.644
Chi phí khấu hao tài sản cố định	729.487.025	2.321.265.138
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.094.590.727	7.135.406.332
Các chi phí khác	4.146.966.876	1.707.215.761
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>31.184.335.349</b>	<b>25.642.055.630</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**31. CHI PHÍ KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020</i>
Chi phí ủng hộ phòng chống dịch Covid	4.345.076.084	-
Chi phí khác	256.632.063	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.601.708.147</b>	<b>-</b>

**32. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020</i>
Chi phí vật liệu	433.908.448	431.624.644
Chi phí nhân công	13.779.382.273	14.046.543.755
Chi phí khấu hao và hao mòn	5.209.890.994	10.293.188.225
Chi phí dịch vụ mua ngoài	34.587.336.506	24.886.365.497
Chi phí khác	6.438.904.031	4.954.280.548
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>60.449.422.252</b>	<b>54.612.002.669</b>

**33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") của Công ty là 20% trên tổng thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**33.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành**

Dưới đây là đối chiếu giữa thu nhập chịu thuế và lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020</i>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>36.395.213.062</b>	<b>39.644.788.090</b>
<b>Các điều chỉnh tăng/(giảm)</b>		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>		
Thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị không chuyên trách	218.400.000	217.380.000
Các khoản điều chỉnh khác	144.990.852	144.990.852
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>		
Cổ tức và lợi nhuận được chia	(22.398.821.802)	(11.770.245.500)
<b>Thu nhập tính thuế ước tính trong kỳ hiện hành</b>	<b>14.359.782.112</b>	<b>28.236.913.442</b>
<b>Thu nhập tính thuế sau căn trừ lỗ năm trước</b>	<b>14.359.782.112</b>	<b>28.236.913.442</b>
<b>Chi phí thuế TNDN ước tính trong kỳ hiện hành</b>	<b>2.871.956.422</b>	<b>5.647.382.688</b>
Giảm do ưu đãi thuế theo Nghị quyết số 116/2020/QH14 về giảm thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020	-	(1.694.214.806)
Giảm do ưu đãi thuế theo Nghị định số 92/2021/NĐ-CP về giảm trừ thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2021	(861.586.927)	-
<b>Chi phí thuế TNDN ước tính trong kỳ hiện hành sau ưu đãi thuế</b>	<b>2.010.369.495</b>	<b>3.953.167.882</b>
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ	2.551.389.561	4.052.669.342
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(2.571.601.784)	(3.258.305.252)
<b>Thuế TNDN phải trả cuối kỳ</b>	<b>1.990.157.272</b>	<b>4.747.531.972</b>

**33.2 Thuế thu nhập hoãn lại**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2021</i>	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2021</i>	<i>Kỳ này</i>	<i>Kỳ trước</i>
<b>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>				
Chênh lệch tạm thời do thời gian khấu hao tài sản	1.444.260.775	1.473.258.945		
<b>Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại tính vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ</b>			<b>28.998.170</b>	<b>28.998.170</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**34. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước bao gồm:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020
Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC	Công ty con	Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.275.388.940	5.185.775.766
		Mua dịch vụ	7.710.086.636	6.207.274.636
		Cho vay ngắn hạn	-	40.000.000.000
		Thu hồi khoản vay ngắn hạn	40.000.000.000	-
		Phải thu lãi cho vay	268.493.151	216.986.302
		Lợi nhuận được chia	1.906.673.510	-
		Thu tiền từ lợi nhuận được chia	-	30.000.000.000
		Góp vốn bằng tiền mặt và bù trừ công nợ	70.000.000.000	-
		Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC	Công ty con	Doanh thu cung cấp dịch vụ
Mua dịch vụ	875.786.389			523.503.358
Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ CMC	Công ty con	Doanh thu cung cấp dịch vụ	678.075.600	740.637.142
		Mua dịch vụ	1.067.300.000	1.221.615.455
		Cho vay ngắn hạn	25.000.000.000	20.000.000.000
		Thu hồi khoản cho vay ngắn hạn	4.200.000.000	-
		Phải thu lãi cho vay	420.723.286	156.613.698
Công ty TNHH An ninh An toàn Thông tin CMC	Công ty con	Vay ngắn hạn	14.600.000.000	-
		Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.018.860.899	963.285.903
Công ty TNHH Công nghệ và Giải pháp CMC Sài Gòn	Công ty con	Mua dịch vụ	505.000.000	2.007.500.000
		Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	3.495.000
		Mua dịch vụ	831.822.501	436.386.800
		Cho vay ngắn hạn	10.929.606.851	6.251.000.000
		Phải thu lãi cho vay	991.787.004	280.145.754
		Mua tài sản	2.634.871.258	-
Công ty TNHH CMC Global	Công ty con	Lợi nhuận được chia	6.093.159.993	-
		Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.980.148.807	4.169.300.192
Công ty Cổ phần NetNam	Công ty liên kết	Cổ tức được chia	14.398.989.400	11.770.245.500
Công ty Cổ phần Liên doanh Ciber - CMC	Công ty con	Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.072.689.900	997.920.761
Viện nghiên cứu Ứng dụng Công nghệ CMC	Công ty con	Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.965.000	226.399.053
Công ty TNHH CMC Đà Nẵng	Công ty con	Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.110.000.000	-
		Trả gốc vay	3.000.000.000	-



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**34. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

*Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan:*

Công ty bán hàng cũng như mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Ngoại trừ phải thu về cho vay, số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 30 tháng 9 năm 2021 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Tại ngày 30 tháng 9 năm 2021, Công ty đã trích lập một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi 8.965.065.001 VND liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (ngày 31 tháng 3 năm 2021: 8.965.065.001 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán riêng giữa niên độ, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

*Đơn vị tính: VND*

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2021</i>	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2021</i>
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6.1)</b>				
Công ty TNHH CMC Global	Công ty con	Phải thu cung cấp dịch vụ	3.727.623.330	1.274.702.763
Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC	Công ty con	Phải thu cung cấp dịch vụ	3.514.608.534	-
Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC	Công ty con	Phải thu cung cấp dịch vụ	1.491.080.401	6.879.617.894
Công ty Cổ phần Liên doanh Ciber - CMC	Công ty con	Phải thu cung cấp dịch vụ	959.730.361	395.829.043
Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ CMC	Công ty con	Phải thu cung cấp dịch vụ	371.612.934	-
Công ty TNHH An ninh An toàn Thông tin CMC	Công ty con	Phải thu cung cấp dịch vụ	62.360.749	-
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>10.127.016.309</b>	<b>8.550.149.700</b>
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 6.2)</b>				
Công ty Cổ phần Liên doanh Ciber - CMC	Công ty con	Trả trước cho nhà cung cấp	435.269.626	2.645.905.441
Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC	Công ty con	Trả trước cho nhà cung cấp	2.963.349.600	2.963.349.600
Công ty TNHH Công nghệ và Giải pháp CMC Sài Gòn	Công ty con	Trả trước cho nhà cung cấp	4.322.322.267	-
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>7.720.941.493</b>	<b>5.609.255.041</b>
<b>Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 7)</b>				
Công ty TNHH Công nghệ và Giải pháp CMC Sài Gòn	Công ty con	Cho vay ngắn hạn	28.705.606.851	17.776.000.000
Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ CMC	Công ty con	Cho vay ngắn hạn	25.000.000.000	4.200.000.000
Công ty TNHH Tổng công ty Công nghệ và giải pháp CMC	Công ty con	Cho vay ngắn hạn	-	40.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>53.705.606.851</b>	<b>61.976.000.000</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**34. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán riêng giữa niên độ, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 9 năm 2021	Ngày 31 tháng 3 năm 2021
<b>Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 8)</b>				
Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC	Công ty con	Phải thu cổ tức, lợi nhuận được chia Phải thu chi hộ Phải thu chi hộ	7.999.831.296 5.618.356.900 268.493.151	58.424.286.488 5.541.932.200
Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC	Công ty con	Phải thu cổ tức, lợi nhuận được chia Phải thu chi hộ	43.540.107.000 26.820.000	- 185.979.976
Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm CMC	Công ty con	Phải thu cổ tức, lợi nhuận được chia	-	2.374.458.947
Công ty TNHH CMC Blue France	Công ty con	Phải thu chi hộ	6.250.054.278	6.250.054.278
Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC Sài Gòn	Công ty con	Phải thu lãi cho vay Phải thu khác	1.943.536.209 538.932.419	951.749.205 38.932.419
Công ty Cổ phần Liên doanh Ciber - CMC	Công ty con	Phải thu cổ tức, lợi nhuận được chia Phải thu chi hộ	1.480.000.000 18.782.796	1.480.000.000 106.353.460
Công ty TNHH CMC Global	Công ty con	Phải thu chi hộ	231.750.344	288.072.311
Công ty TNHH CMC Đà Nẵng	Công ty con	Phải thu chi hộ	1.562.970.000	12.000.000
Công ty TNHH An ninh an toàn thông tin CMC	Công ty con	Phải thu khác	18.499.500	-
Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ CMC	Công ty con	Phải thu lãi cho vay	361.643.834	-
Công ty Cổ Phần NetNam	Công ty liên kết	Phải thu cổ tức, lợi nhuận được chia	14.398.989.400	-
Các cá nhân liên quan khác	Bên liên quan khác	Phải thu khác	3.391.219.481	1.731.777.813
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>87.649.986.608</b>	<b>77.385.597.097</b>
<b>Phải thu dài hạn khác (Thuyết minh số 8)</b>				
Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC	Công ty con	Phải thu cổ tức, lợi nhuận được chia	-	43.540.107.000
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>-</b>	<b>43.540.107.000</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**34. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán riêng giữa niên độ, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Ngày 30 tháng 9 năm 2021	Ngày 31 tháng 3 năm 2021
<b>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 17)</b>				
Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC	Công ty con	Mua dịch vụ	21.197.627.113	30.468.477.912
Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ CMC	Công ty con	Mua dịch vụ	1.299.039.453	2.560.461.987
Công ty TNHH An ninh An toàn Thông tin CMC	Công ty con	Mua dịch vụ	175.000.000	695.386.239
Công ty TNHH Công Nghệ Và Giải Pháp CMC Sài Gòn	Công ty con	Mua dịch vụ	565.911.250	-
Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC	Công ty con	Mua dịch vụ	2.887.170	-
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>23.240.464.986</b>	<b>33.724.326.138</b>
<b>Chi phí phải trả (Thuyết minh số 19)</b>				
Công ty TNHH CMC Đà Nẵng	Công ty con	Chi phí phải trả lãi vay	1.521.041.096	-
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>1.521.041.096</b>	<b>-</b>
<b>Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 21)</b>				
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại CMC	Công ty con	Phải trả khác	45.081.450.398	-
Các cá nhân liên quan khác	Bên liên quan khác	Phải trả khác	1.150.524.854	549.023.354
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>47.753.016.348</b>	<b>549.023.354</b>
<b>Vay ngắn hạn (Thuyết minh số 22)</b>				
Công ty TNHH CMC Đà Nẵng (*)	Công ty con	Vay ngắn hạn	97.000.000.000	100.000.000.000
Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ CMC	Công ty con	Vay ngắn hạn	14.600.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>111.600.000.000</b>	<b>100.000.000.000</b>

(\*) Đây là khoản vay tín chấp, có kỳ hạn trả gốc và lãi vào ngày 26 tháng 3 năm 2022 và chịu lãi suất là 3%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**34. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

*Các giao dịch với các bên liên quan khác*

Thu nhập của Hội đồng Quản trị ("HĐQT") và Ban Điều hành trong kỳ:

Tên	Chức vụ	Đơn vị tính: VND	
		Thu nhập (*)	
		Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020
Ông Nguyễn Trung Chính	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	209.460.000	118.800.000
Ông Nguyễn Phước Hải	Chủ tịch Điều hành Tập đoàn		
	Thành viên HĐQT	179.640.000	79.200.000
	Phó Chủ tịch Cấp cao Tập đoàn – Giám đốc Quản trị		
Ông Nguyễn Minh Đức	Thành viên HĐQT	35.640.000	35.640.000
Ông Trương Tuấn Lâm	Thành viên HĐQT	35.640.000	35.640.000
Ông Nguyễn Danh Lam	Thành viên HĐQT	35.640.000	35.640.000
Ông Lê Việt Hà	Thành viên HĐQT	35.640.000	35.640.000
Ông Hà Thế Vinh	Thành viên HĐQT	79.200.000	59.400.000
Ông Jeong Sam Yong	Thành viên HĐQT đến ngày 21 tháng 7 năm 2021	23.760.000	29.700.000
Ông Kim Jung Wuk	Thành viên HĐQT	31.680.000	31.680.000
Ông Lee Jay Seok	Thành viên HĐQT từ ngày 21 tháng 7 năm 2021	11.880.000	-
Bà Vũ Thị Phương Thanh	Trưởng Ban kiểm soát	44.820.000	44.820.000
Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung	Thành viên Ban kiểm soát từ ngày 21 tháng 7 năm 2021	30.000.000	30.000.000
Ông Nguyễn Thành Nam	Thành viên Ban kiểm soát	27.000.000	27.000.000
Ông Hồ Thanh Tùng	Phó Chủ tịch Điều hành Cấp cao Tập đoàn - Phụ trách điều hành hoạt động Công ty Quyền Tổng Giám đốc đến ngày 6/7/2021 và Tổng Giám đốc từ ngày 7/7/2021	408.000.000	252.000.000
Ông Hoàng Ngọc Hùng	Phó Chủ tịch Điều hành Tập đoàn	137.500.000	330.000.000
Ông Lê Thanh Sơn	Phó Chủ tịch Cấp cao Tập đoàn – Giám đốc Tài chính	585.000.000	585.000.000
Ông Lương Tuấn Thành	Phó Chủ tịch Cấp cao Tập đoàn – Giám đốc Công nghệ	85.500.000	170.750.000
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>1.996.000.000</b>	<b>1.900.910.000</b>

(\*) bao gồm tiền lương, thù lao, tiền thưởng

11/9/2021 10:11 AM NH 1/10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**35. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN**

Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Lĩnh vực cho thuê văn phòng</i>	<i>Lĩnh vực cung cấp dịch vụ và hàng hóa khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Vào ngày 30 tháng 9 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày</b>			
Doanh thu cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	60.840.776.307	8.137.589.284	68.978.365.591
Tổng doanh thu	60.840.776.307	8.137.589.284	68.978.365.591
<b>Kết quả</b>			
Lợi nhuận gộp của bộ phận	39.137.349.129	610.411.539	39.747.760.668
Chi phí bán hàng	(34.481.980)	-	(34.481.980)
Thu nhập, chi phí không phân bổ (i)			(3.318.065.626)
Lợi nhuận thuần trước thuế			36.395.213.062
Chi phí thuế TNDN hiện hành			(2.010.369.495)
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại			28.998.170
Lợi nhuận thuần sau thuế			34.413.841.737
<b>Tài sản và công nợ</b>			
Tài sản bộ phận	197.451.638.094	13.114.821.528	210.566.459.622
Tài sản không phân bổ (ii)			2.285.573.245.132
Tổng tài sản			2.496.139.704.754
Nợ phải trả bộ phận	1.720.792.191	23.302.964.986	25.023.757.177
Nợ phải trả không phân bổ (iii)			738.008.946.960
Tổng nợ phải trả			763.032.704.137

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**35. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)**

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau: (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Lĩnh vực cho thuê văn phòng	Lĩnh vực cung cấp dịch vụ và hàng hóa khác	Tổng cộng
<b>Vào ngày 30 tháng 9 năm 2020 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày</b>			
Doanh thu cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	55.707.159.414	5.891.920.000	61.599.079.414
Tổng doanh thu	55.707.159.414	5.891.920.000	61.599.079.414
<b>Kết quả</b>			
Lợi nhuận gộp của bộ phận	32.680.685.899	-	32.680.685.899
Chi phí bán hàng	(51.553.524)	-	(51.553.524)
Thu nhập, chi phí không phân bổ (i)			7.015.655.715
Lợi nhuận thuần trước thuế			39.644.788.090
Chi phí thuế TNDN hiện hành			(3.953.167.882)
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại			28.998.170
Lợi nhuận thuần sau thuế			35.720.618.378
<b>Tài sản và công nợ</b>			
Tài sản bộ phận	180.762.208.287	15.129.208.238	195.891.416.525
Tài sản không phân bổ (ii)			2.010.714.574.071
Tổng tài sản			2.206.605.990.596
Nợ phải trả bộ phận	6.958.648.881	16.680.709.846	23.639.358.727
Nợ phải trả không phân bổ (iii)			539.857.128.803
Tổng nợ phải trả			563.496.487.530

- (i) Thu nhập, chi phí không phân bổ chủ yếu bao gồm các khoản mục doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp, thu nhập khác và chi phí khác;
- (ii) Tài sản không phân bổ chủ yếu bao gồm các khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính, trả trước cho người bán, phải thu khác và chi phí xây dựng cơ bản dở dang; và
- (iii) Nợ phải trả không phân bổ chủ yếu bao gồm các khoản mục chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính, quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ phát triển khoa học và công nghệ.

**36. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG**

**Các cam kết liên quan đến hoạt động đầu tư xây dựng**

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2021, Công ty có các khoản cam kết với tổng giá trị là 276,4 tỷ VND liên quan đến việc thực hiện Dự án “Không gian sáng tạo CMC”.

**Cam kết cho thuê hoạt động**

Công ty hiện đang cho thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 9 năm 2021	Ngày 31 tháng 3 năm 2021
Dưới 1 năm	58.991.815.174	46.956.395.223
Từ 1 năm – 5 năm	38.132.196.592	44.912.694.730
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>97.124.011.766</b>	<b>91.869.089.953</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 9 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**36. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG (tiếp theo)**

***Cam kết thuê hoạt động***


Công ty hiện đang thuê tài sản theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:


	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2021	Ngày 31 tháng 3 năm 2021
Dưới 1 năm	1.052.595.000	1.052.595.000
Từ 1 năm – 5 năm	4.210.380.000	4.210.380.000
Trên 5 năm	30.645.864.844	31.173.893.586
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>35.908.839.844</b>	<b>36.436.868.586</b>

**37. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.

  
Nguyễn Hồng Phương  
Kế toán trưởng

  
Lê Thanh Sơn  
Giám đốc Tài chính

  
Nguyễn Trung Chính  
Chủ tịch Điều hành Tập đoàn



Ngày 29 tháng 11 năm 2021

